TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÔNG HINH** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2020/HNGĐ-ST
Ngày 28-05-2020
"V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÔNG HINH, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Lưu Chúc;

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Bà Nguyễn Thị Ái Liên;

+ Ông Ksor Y Kư.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mạy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 5 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 56/2020/TLST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2020 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Lê Bá C, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh P. Có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Công ty TNHH MTV Ngân hàng A. Có mặt.

+ Ngân hàng C. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Lê Thị H trình bày:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Bá C chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp tại UBND xã E, huyện S, tỉnh P vào ngày 10/01/2005, quá trình chung sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu ly hôn với anh C.

+ Về con chung: Có 03 con chung:

- Lê Thị Cẩm V, sinh ngày 01/7/2005;
- Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 29/3/2007;
- Lê Bá Tấn T2, sinh ngày 19/6/2009.

Chị H yêu cầu được nuôi dưỡng cả 03 con chung là Lê Thị Cẩm V, Lê Thị Mỹ T và Lê Bá Tấn T2 và không yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Về tài sản chung:

Yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất tại thửa đất số 217 tờ bản đồ số 66 diện tích 993,3m^2 tại Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh P.

Phân chia trách nhiệm trả nợ đối với khoản nợ vay tại Ngân hàng N nợ gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất; Khoản nợ vay tại Ngân hàng C là 48.000.000 đồng và lãi suất.

Bị đơn anh Lê Bá C trình bày: Anh C thừa nhận có chung sống với chị H tự nguyện, có đăng ký kết hôn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh C đồng ý yêu cầu ly hôn của chị H. Về con chung: Có 03 con chung đúng như chị H đã trình bày, anh C đồng ý giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng, không chấp nhận yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản chung: Anh C không đồng ý phân chia tài sản chung. Về nợ chung anh C có nguyện vọng trả số nợ vay 50.000.000 đồng của A, còn chị H có nghĩa vụ trả số nợ vay 48.000.000 đồng của Ngân hàng C.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng A trình bày: Yêu cầu chị H, anh C có nghĩa vụ liên đới trả số nợ vay 50.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng cho A.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng C trình bày: Yêu cầu chị H, anh C có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng C số nợ vay gốc là 48.000.000 đồng và tiền lãi theo hợp đồng vay.

Tại phiên tòa:

- Chị H yêu cầu ly hôn với anh C, được trực tiếp nuôi dưỡng cả 03 con chung và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng với mức 500.000 đồng/tháng/cháu; Yêu cầu chia đôi tài sản chung, để bảo đảm việc sinh sống, nuôi dạy con, chị H có nguyện vọng được phân chia phần đất có nhà; Về nợ chung chị H có nghĩa vụ trả khoản nợ vay 48.000.000 đồng vay của Ngân hàng C, anh C có nghĩa vụ trả số nợ vay 50.000.000 đồng vay của Ngân hàng A.

- Anh C thống nhất ly hôn, đồng ý giao cả ba con chung cho chị H nuôi dưỡng, không chấp nhận cấp dưỡng và không chấp nhận phân chia tài sản chung. Về nợ chung anh C đồng ý trả khoản nợ vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng A còn chị H có nghĩa vụ trả số nợ vay 48.000.000 đồng tại Ngân hàng C.

- Ngân hàng A và Ngân hàng B thống nhất việc thỏa thuận trả nợ của chị H và anh C; Chị H có nghĩa vụ trả khoản nợ vay 48.000.000 đồng tại ngân hàng C và anh C có nghĩa vụ trả khoản nợ vay 50.000.000 đồng tại Ngân hàng A, chị H và anh C hiện không có nợ lãi các khoản vay nêu trên.

*** Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Sông Hinh phát biểu ý kiến:**

Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các Hội thẩm tham gia Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, giao cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng cả ba con chung và buộc anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng, về tài sản chung yêu cầu chia đôi tài sản chung và ghi nhận sự thỏa thuận của các bên về việc trả nợ, các đương sự phải chịu án phí và chi phí định giá theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra, xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, tranh chấp chia tài sản chung khi ly hôn" đối với anh C hiện đang trú tại: Buôn T, xã E, huyện S, tỉnh P. Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Sông Hinh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh C chung sống tự nguyện có đăng ký kết hôn hợp pháp, tình trạng hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được; Chị H và anh C đều có nguyện vọng ly hôn nên có cơ sở để chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H.

[3] Về con chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H có yêu cầu nuôi dưỡng cả 03 con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Tại phiên Tòa, chị H yêu cầu anh C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con để đảm bảo việc nuôi con mức cấp dưỡng là 500.000 đồng/tháng/cháu. Xét thấy, chị H yêu cầu nuôi dưỡng cả ba con chung là cháu V, T, T1 và yêu cầu anh C phải cấp dưỡng nuôi con chung là chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của các con. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao các cháu V, T, T1 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng/cháu.

[4] Về tài sản chung: Chấp nhận yêu cầu phân chia tài sản chung là nhà và quyền sử dụng đất là tài sản chung của vợ cH của chị H; để bảo vệ quyền lợi ích của phụ nữ và trẻ em, các con đều do chị H trực tiếp nuôi dưỡng nên việc phân chia nhà cho chị H và các con ở là phù hợp; phần đất có chiều rộng mặt tiền là 15,05m, chiều rộng mặt hậu là 16,31m, chị H đồng ý lấy phần đất chiều rộng mặt tiền là 5m, hậu là 5,5 m đã xây dựng nhà ở. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định:

- Chị H được quyền sở hữu ngôi nhà diện tích xây dựng là 105,3m^2 trị giá 171.112.000 đồng, chái tôn diện tích 15m^2 trị giá 5.850.000 đồng, giếng nước trị giá 3.250.000 đồng và quyền sử dụng đất đã xây dựng nhà có chiều rộng mặt tiền là 5m, mặt hậu có chiều rộng là 5,5m trong đó có 200m^2 đất ở, có giá trị là

100.000.000 đồng; tổng giá trị tài sản chị H được quyền sở hữu là 280.212.000 đồng.

- Anh C được quyền sở phần tài sản quyền sử dụng phần đất còn lại chiều ngang mặt tiền rộng 10,05m, mặt hậu rộng 10,81m trong đó có 200m^2 đất ở, giá trị 201.000.000 đồng;

- Chị H có nghĩa vụ thối lại cho anh C phần giá trị tài sản chênh lệch là 39.606.000 đồng.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ như sau:

- Chị H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng Chính sách xã hội số nợ vay gốc là 48.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay;

- Anh C có nghĩa vụ trả cho Agribank số nợ vay gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay.

[6] Về án phí:

- Chị H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, án phí có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung là 12.030.000 đồng, án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ vay tại ngân hàng C là 2.400.000 đồng.

- Anh C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng, án phí có giá ngạch đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là 12.030.000 đồng; án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng A là 2.500.000 đồng.

[7] Về chi phí định giá: Chi phí định giá là 2.800.000 đồng, chị H và anh C có nghĩa vụ chịu mỗi người một nửa, chị H đã nộp đủ nên anh C phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền chi phí định giá là 1.400.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 56, 59, 60, 62, 81, 82, 83, 84, 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 147, 165 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh C.

2. Về con chung: Giao các cháu Lê Thị Cẩm V, sinh ngày 01/7/2005; Lê Thị Mỹ T, sinh ngày 29/3/2007; Lê Bá Tấn T1, sinh ngày 19/6/2009 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; Anh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng cho mỗi cháu là 500.000 đồng/tháng/cháu, việc cấp dưỡng bắt đầu khi bản án có hiệu lực pháp luật và chấm dứt trong các trường hợp quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn được áp dụng theo quy định tại các điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Khi cần thiết, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chưa thành niên.

3. Về tài sản chung:

- Chị H được quyền sở hữu ngôi nhà diện tích xây dựng là 105,3m^2, chái tôn diện tích 15m^2, giếng nước và quyền sử dụng đất đã xây dựng nhà có chiều rộng mặt tiền là 5m, mặt hậu có chiều rộng là 5,5m trong đó có 200m^2 đất ở; tổng giá trị tài sản là 280.212.000 đồng.

- Anh C được quyền sở phần tài sản quyền sử dụng phần đất còn lại, có chiều ngang mặt tiền rộng 10,05m, mặt hậu rộng 10,81m trong đó có 200m^2 đất ở, giá trị 201.000.000 đồng;

- Chị H có nghĩa vụ thối lại cho anh C phần giá trị tài sản chênh lệch là 39.606.000 đồng.

4. Về nợ chung:

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự về việc phân chia nghĩa vụ trả nợ như sau:

- Chị H có nghĩa vụ trả cho ngân hàng C số nợ vay gốc là 48.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay;

- Anh C có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng A số nợ vay gốc là 50.000.000 đồng và lãi suất theo hợp đồng vay.

5. Về án phí:

- Chị H phải chịu án phí không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng, án phí có giá ngạch đối với yêu cầu chia tài sản chung là 12.030.000 đồng, án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ vay tại ngân hàng C là 2.400.000 đồng, được tính trừ số tiền tạm ứng án phí 2.925.000 đồng chị H đã nộp tại biên lai thu tiền số 0012840 ngày 27 tháng 6 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Sông Hinh.

- Anh C phải chịu án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng, án phí có giá ngạch đối với yêu cầu phân chia tài sản chung là 12.030.000 đồng; án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng A là 2.500.000 đồng.

6. Về chi phí định giá: Chi phí định giá là 2.800.000 đồng, chị H và anh C có nghĩa vụ chịu mỗi người một nửa, chị H đã nộp đủ nên anh C phải có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền chi phí định giá là 1.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định

tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi Nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện Sông Hinh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên Tòa

Bùi Lưu Chúc